

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁP MƯỜI  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DS - ST  
Ngày 26/01/2018  
V/v: Tranh chấp  
HĐDS – Vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thời.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Văn Vững.

Ông Mai Văn Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Lê Duy Khánh, là Thư ký Tòa án huyện Tháp Mười.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Lợi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 và ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án huyện Tháp Mười, mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự đã thụ lý số: 227/2017/TLST - DS, ngày 05/06/2017, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2017/QĐXX - ST, ngày 01/12/2017, giữa:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1992.

- *Bị đơn:* Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1987.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Thị N, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: ấp Mỹ Tây 2, xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Chị N có mặt tại phiên tòa; bà N vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt; chị T vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 5 năm 2017, chị N trình bày:*

Ngày 10/9/2015 (AL), chị T hỏi mượn của chị số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng) về mua bột làm bánh mì, khi cho mượn chị có làm biên nhận và lãi suất được tính 180.000đ/tháng đến nay khoảng 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm nghìn đồng), nhưng chị T không trả cho chị vốn và lãi.

Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T trả cho chị số tiền vốn là 6.000.000đ (sáu triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 10/9/2015 (AL) đến nay 17/4/2017 (AL) khoảng 19 tháng 7 ngày là 3.420.000đ (Ba triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 9.400.000đ (chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

*Tại phiên tòa, chị T vắng mặt nhưng theo Tờ tự khai ngày 20/6/2017 và Biên bản hòa giải ngày 25/8/2017, chị T trình bày:*

Ngày 10/9/2015 (AL) chị mượn chị N 6.000.000đ (sáu triệu đồng) với lãi suất là 15%/tháng. Chị đã đóng lãi cho chị N và dì sáu N (mẹ chị N) tổng số tiền 1.785.000 đồng (một triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Ngày 18/02/2016, chị không còn khả năng đóng lãi nữa nên chị N và dì sáu N đồng ý cho chị trả tiền vốn 6.000.000đ với hình thức góp hàng ngày.

Chị góp ngày 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng) chị góp được 16 ngày được 800.000đ, do hoàn cảnh khó khăn chị N và dì sáu N đồng ý hạ tiền góp ngày 20.000đ (hai mươi nghìn đồng), chị góp được 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng), cộng với tiền bánh mì chị N và dì sáu N ăn hàng ngày của chị là 800.000đ (tám trăm nghìn đồng). Như vậy, chị đã trả vốn cho chị N và dì sáu N tổng cộng là 5.100.000đ (năm triệu một trăm ngàn đồng). và còn nợ chị N là 900.000đ (chín trăm nghìn đồng).

Nay chị N yêu cầu chị trả tiền mượn vốn là 6.000.000đ (sáu triệu đồng) và lãi là 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm nghìn đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 9.400.000đ (chín triệu bốn trăm nghìn đồng) chị không đồng ý.

*Tại phiên tòa bà N vắng mặt, nhưng Tờ tự khai ngày 07/8/2017 và Biên bản hòa giải ngày 25/8/2017, bà N trình bày:*

Bà là mẹ của chị N, vào ngày 20/8/2015 (AL) chị T có đến nhà bà hỏi mượn số tiền là 6.000.000đ (sáu triệu đồng), 10 ngày đóng lãi 01 lần 300.000đ, sau đó ngưng không đóng nữa, chị T nói không có tiền đóng và hẹn 03 tháng sau hết hạn ngày rồi trả luôn vốn. Đến hạn chị T bảo không có tiền trả nên N cho góp mỗi ngày 50.000đ, góp được khoảng 05 - 07 ngày rồi ngưng không góp nữa, do cha mẹ chồng chị T bệnh nên vài tháng sau góp được 100.000đ rồi ngưng không góp nữa, vài tháng sau góp tiếp ngày 20.000đ, góp được 140.000đ và tiền mua bánh mì tổng cộng là 1.450.000đ là tiền lãi, còn tiền vốn 6.000.000đ chị T chưa trả cho N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa hành tốt pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án nên không kiến nghị.

Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo qui định pháp luật. Bà Nhị vắng mặt phiên tòa có gửi đơn xin vắng mặt. Chị Tuyền được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, là chưa chấp hành nghiêm pháp luật.

Về nội dung vụ án: Tòa án xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng qui định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có gửi đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vẫn tiến hành xét xử. Riêng chị T là bị đơn đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị N cho chị T vay tiền, hai bên không thỏa thuận thời gian trả nhưng chị N nhiều lần yêu cầu chị T trả lại tiền, chị T vẫn chưa trả đầy đủ nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết. Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng dân sự - Vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Theo khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

[3] Về hiệu lực hợp đồng: Trong quá trình giao kết thực hiện hợp đồng, chị N, chị T là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc giao kết hợp đồng không vi phạm điều cấm qui định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng được xem là hợp pháp.

[4] Về thực hiện hợp đồng: Tuy hợp đồng vay giữa chị Nh và chị T không làm văn bản, không thỏa thuận thời gian thanh toán nhưng kể từ ngày vay 10/9/2015 (AL) đến khoảng 01 tháng sau chị N yêu cầu lấy lại vốn là phù hợp với khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 và chị T hứa hẹn nhiều lần nhưng không thanh toán xong nên chị T là người có lỗi được qui định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác...

2...”

[4] Về chứng cứ: Chị N có nộp biên nhận nợ ngày 10/9/2015 (bản gốc).

Chị T có nộp bảng kê góp tiền chị N số tiền 5.100.000đ, Tòa án có ra Quyết định yêu cầu chị T cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả chị N số tiền 5.100.000đ, nhưng chị T không cung cấp được.

Quá trình hòa giải chị T khai, khi chị N, bà N đi góp tiền hay mua bánh mì ăn (trừ nợ) có những người bán gần chị thấy sự việc nên Thẩm phán có thu thập hai lời khai người làm chứng họ cho rằng có thấy bà N, chị N lại lấy bánh mì ăn còn có trả tiền hay không thì không biết và có thấy bà N, chị N đến đòi tiền, còn chị T có trả tiền hay không thì không biết.

Chị T còn cho rằng khi trả tiền cho chị N tại nhà bà N có ông T chồng cũ của bà N biết nhưng ông T cho rằng không biết việc chị T trả tiền bà N, chị N vì ông không biết chị T. Nên không căn cứ chấp nhận ý kiến của chị T có trả tiền chị N là 5.100.000đ.

[5] Về tiền lãi: Chị N xin rút yêu cầu tiền lãi đòi tiền theo thỏa thuận 3.400.000đ.

Xét thấy yêu cầu chị N là phù hợp d nên điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu của chị N.

Tại phiên tòa, chị N yêu cầu chị T trả số tiền vốn 6.000.000đ và lãi tính từ ngày vay cho đến tháng 5/2017 với mức lãi suất 1,125%/tháng và đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận 1.450.000đ. Xét thấy yêu cầu chị N là phù hợp Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 là có lợi cho chị T nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi được tính như sau:

Tính đến 19/11/2016, chị N đã trả lãi cho chị T 1.450.000đ. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật thì số tiền lãi từ 21/10/2015 đến 19/11/2016 (12 tháng 28 ngày) là:  $(6.000.000 \times 1,125\% \times 12 \text{ tháng}) + (6.000.000 \times 1,125\% \times 28/30 \text{ ngày}) = 873.000\text{đ}$ . Như vậy, tính đến 19/11/2016 số tiền lãi chị T đã trả thừa cho chị N là:  $1.450.000 - 873.000 = 577.000\text{đ}$ .

Trừ vào số tiền vốn:  $6.000.000 - 577.000\text{đ} = 5.423.000\text{đ}$

Số tiền lãi từ 20/11/2016 đến 12/5/2017 (5 tháng 22 ngày) (trên số tiền vốn 5.423.000đ) là:  $(5.423.000\text{đ} \times 1,125\% \times 5 \text{ tháng}) + (5.423.000\text{đ} \times 1,125\% \times 22/30 \text{ ngày}) = 349.784\text{đ}$ .

Như vậy, chị T phải trả cho chị N số tiền vốn 5.423.000đ và lãi 349.784đ, tổng cộng 5.772.784đ.

Tại phiên tòa, chị N cho rằng bà N có đưa cho chị T 5.000.000đ là tiền của chị nhờ bà N đưa dùm. Bà N có nhận dùm tiền lãi và đã giao tiền lại cho chị, chị không yêu cầu gì đối với bà N nên Hội đồng xét xử không xem xét quyền lợi và nghĩa vụ của bà N .

Xét ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về nội dung vụ án phù hợp pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, khoản 2 Điều 469, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ phần yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu chị Huỳnh Thị Ngọc T trả tiền lãi theo thỏa thuận 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu chị Huỳnh Thị Ngọc T trả tiền vay vốn 6.000.000đ (sáu triệu đồng) và điều chỉnh lãi theo pháp luật qui định 1,125%/tháng .

- Buộc chị Huỳnh Thị Ngọc T trả chị Nguyễn Thị Hồng N số tiền vay vốn 5.423.000đ và lãi 349.784đ. Tổng cộng 5.772.784đ (năm triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm tám mươi bốn đồng) làm tròn 5.772.000đ (năm triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Huỳnh Thị Ngọc T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Hồng N được nhận lại tạm ứng án phí 235.000đ (hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng) theo lai thu số 10213 ngày 01/6/2017.

Các đương sự nộp án phí, nhận lại tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND Huyện;
- THADS Huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
ký tên và đóng dấu

**Nguyễn Thị Thời**